

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2020/HS-ST.

Ngày: 30-9-2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **La Thị Hồng Gấm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ba**.

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đẹp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoài Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông **Trần Tiến Dũng** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa án ra xét xử số: 161/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/HSST-QĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2020/HSST-QĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 938/TB-TA ngày 28 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Cao Minh T** (tên gọi khác: TX), sinh ngày 12/4/1988 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 11, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 8/12. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam. Giới tính: Nam. Con ông Cao Đắc S và bà Vũ Thị T. Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 05 chị em và chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 30/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án số 244/2009/HSST, chấp hành xong ngày 28/02/2017).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 20/7/2004, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 4 thời hạn 24 tháng về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Ngày 19/5/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị tạm giữ ngày 16/4/2020 và chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng (có mặt).

2. Nguyễn Chiến Lê Th (tên gọi khác: R), sinh ngày 09/5/1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Long Hiệu, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Mua bán phế liệu. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Giới tính: Nam. Con ông Nguyễn Chiến P và bà Lê Thị Tr. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ tên Cao Hồng Yến, sinh năm 1993, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 10/12/2004, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 5770/QĐ.CT.UBH ngày 10/12/2004, chấp hành xong ngày 14/12/2006).

Ngày 05/6/2012, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 1657/QĐ.UBND ngày 05/6/2012, chấp hành xong ngày 07/6/2014).

Ngày 08/4/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (Theo Bản án số 38/2016/HSST ngày 08/4/2016, đã chấp hành xong ngày 11/9/2017).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2020 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành (có mặt).

3. Vũ Ngọc T1 (tên gọi khác: TL), sinh ngày 22/4/1989 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 12, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam. Giới tính: Nam. Con ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị D. Bị cáo là con thứ 05 trong gia đình có 07 anh em. Vợ tên Trần Thị Thanh N, sinh năm 1993 và có 01 người con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/7/2005, bị Tòa án phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 16 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999. (Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi).

Ngày 10/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo bị giam ngày 19/5/2020 trong vụ án “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản” tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành (có mặt).

- Bị hại:

1/ Ông **Phạm Thanh B**, sinh năm: 1955 (có mặt).

2/ Anh **Phạm Tiến L**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

3/ Chị **Phạm Thị Thiên H**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Tổ 21, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4/ Anh **Đào Phạm Trọng D**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 22, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

5/ Anh **Tôn Thất T**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

6/ Chị **Lê Thị Quỳnh C**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Tổ 25, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

1/ Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Bến Cam, xã Phước Thiển, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Minh T, Nguyễn Chiến Lê Th và Vũ Ngọc T1 là bạn bè quen biết nhau. Từ ngày 25/01/2020 đến ngày 02/02/2020, T đã 03 lần thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền chơi game bắn cá và mua ma túy

sử dụng. Cụ thể như sau:

Lần 01: Lúc 14 giờ ngày 25/01/2020, T điều khiển xe mô tô biển số 60L9-7550 đến nhà của ông Phạm Thanh B tại tổ 21, khu Văn Hải, thị trấn Long T thì thấy khóa cửa ngoài. T điều khiển xe chạy đến nghĩa địa Văn Hải (cách 500m) cất giấu xe rồi đi bộ đến leo qua hàng rào nhà ông B, sử dụng mỏ lết (mang theo từ trước), bẻ cửa sổ phòng khách đột nhập vào bên trong. T vào phòng ngủ trộm cắp của Phạm Tiến L (con trai ông B) 01 cái laptop nhãn hiệu HP Probook 450 G2. Tiếp đó, T lục tìm trong tủ quần áo trộm cắp của ông B số tiền 24.000.000 đồng và lục tìm tại bàn trang điểm trộm cắp của chị Phạm Thị Thiên H (con gái ông B) số tiền 2.000.000 đồng trong bao lì xì. Xong, T đi đến nghĩa địa Văn Hải cất giấu laptop vào trong một cái lu rồi điều khiển xe chạy về nhà. Đến 15 giờ cùng ngày, T điện thoại nói với Vũ Ngọc T1 là T mới trộm cắp được cái laptop và nhờ T1 mang về cất giấu giùm. T chỉ đường cho T1 đi đến nghĩa địa Văn Hải lấy Laptop về cất giấu tại nhà của T1 tại khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành.

Lần 02: Lúc 14 giờ ngày 28/01/2020, T điều khiển xe mô tô Raider biển số 60C1-496.96 đến nhà của anh Đào Phạm Trọng D tại tổ 22, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành thì thấy khóa cửa ngoài. T điều khiển xe chạy đến vườn tràm (cách 20m) cất giấu xe rồi đi bộ đến leo qua hàng rào nhà anh D. Tiếp đó, T sử dụng mỏ lết (mang theo từ trước), bẻ cửa sổ phòng bếp đột nhập vào bên trong lục tìm tài sản. T đập vỡ con heo đất lấy số tiền bên trong và lấy số tiền trong 02 bao lì xì. Xong, Thành chui qua cửa sổ ra ngoài thì thấy người nhà anh D về nên T bỏ xe mô tô tại vườn tràm và chạy đến quán cà phê gần đó đem tiền ra đếm tổng cộng được 8.000.000 đồng. Đối với anh D, sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo Công an thị trấn Long Thành đến làm việc và thu giữ xe mô tô do T bỏ lại tại vườn tràm.

Lần 03: Lúc 09 giờ ngày 02/02/2020, T điều khiển xe mô tô biển số 60H6-9403 đến nhà của vợ chồng anh Tôn Thất T và chị Lê Thị Quỳnh C tại tổ 25, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành thì thấy khóa cửa ngoài. T điều khiển xe chạy đến vườn tràm (cách 20m) cất giấu xe, rồi đi bộ đến leo qua hàng rào nhà anh T. Tiếp đó, T sử dụng mỏ lết (mang theo từ trước), bẻ cửa sau đột nhập vào phòng ngủ lục tìm tài sản, chiếm đoạt của vợ chồng anh T 01 laptop, 01 máy chụp hình, số tiền 1.000.000 đồng và nhiều nhẫn vàng, vòng vàng và trang sức khác (không xác định được số lượng đặc điểm). Xong, T ra ngoài lấy xe đem laptop và máy chụp hình đến phòng trọ của Th cất giấu, còn số nhẫn, trang sức vàng thì T cất giấu trong người.

Sau khi thực hiện các vụ trộm cắp tài sản nêu trên, T nói với Th đến nhà của T1 lấy laptop mà T đã gửi cho T1 trước đó về. Sau đó, T đưa cho Th 02 cái

laptop (gồm 01 cái trộm cắp của anh L và 01 cái của anh T) đem đi bán để lấy tiền tiêu xài. Th điều khiển xe mô tô hiệu Attila biển số 60N3-7838 đến thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch bán 02 laptop cho chị Nguyễn Thị L được số tiền 4.000.000 đồng. Khoảng vài ngày sau, T tiếp tục đưa cho Th 04 nhẫn vàng và 01 dây chuyền để đi bán. Th điều khiển xe mô tô Cup (không có biển số, giấy tờ xe) đem 02 nhẫn và 01 dây chuyền bán tại tiệm vàng Mỹ Ngọc và tiệm vàng KimTon được tổng số tiền 4.900.000 đồng. Ngoài ra còn 02 nhẫn là loại vàng non Th không bán được và một số vòng vàng và nhẫn vàng không có ký hiệu, T nghi là giả nên đã vứt bỏ. Th biết rõ số tài sản T đưa đi bán là do phạm tội mà có nhưng vẫn đem bán giúp T để hưởng lợi. Sau khi bán số tài sản trên thì T cho Th 1.500.000 đồng, cho Th mượn 1.100.000 đồng và cho Th sử dụng ma túy miễn phí.

Tại Kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 27/KLĐGTS ngày 12/3/2020 của Hội đồng Định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 máy vi tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP Probook 450 G2 màu đen đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 2.650.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Tạm giữ 01 máy vi tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP Probook 450 G2; 01 xe mô tô nhãn hiệu Raider biển số 60C1-496.96; 01 xe mô tô Cup (không có biển số và giấy tờ xe); 01 xe mô tô biển số 60L9-7550; 01 xe mô tô biển số 60N3-7838.

Số tài sản bị chiếm đoạt gồm: 24.000.000 đồng của ông B, 2.000.000 đồng của chị H; 8.000.000 đồng của anh D; Riêng 01 laptop, 01 máy chụp hình, 1.000.000 đồng và số nhẫn, vòng vàng, trang sức bằng vàng của vợ chồng anh T không thu hồi được.

Đối với số tài sản của vợ chồng anh T gồm 01 laptop, 01 máy chụp hình, nhẫn vàng, vòng vàng và trang sức khác không thu hồi được, bị hại, bị cáo không nhớ đặc điểm, số lượng tài sản nên không có cơ sở định giá.

Số công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 cái mỏ lết T đã vứt bỏ và 01 xe mô tô hiệu Wave, biển số 61H6-9403, T đã cầm cố cho Nguyễn Văn H, anh H đã đưa cho 01 người tên H (chưa rõ tên tuổi, địa chỉ) làm phương tiện đi lại, hiện H đi đâu không rõ nên không thu hồi được.

Tại Cáo trạng số 177/CT-VKSLT ngày 03/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Cao Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Chiến Lê Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Truy tố bị cáo Vũ Ngọc T1 về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị :

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T từ 20 tháng đến 24 tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Th từ 08 tháng đến 10 tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T1 từ 07 tháng đến tháng 09 tháng tù giam.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa án tuyên tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Raider biển số 60C1-496.96 (Số máy G427-101503; Số khung E0101214, không có giấy đăng ký xe) do T sử dụng vào việc phạm tội.

01 máy vi tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP Probook 450 G2, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại L;

Đối với xe mô tô biển số 60L9-7550 do T mượn của Nguyễn Văn C, người đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Ngọc T (chưa làm việc được với Tuấn); 01 xe mô tô biển số 60N3-7838 do Th mua lại của Ngô Phạm Thanh T (hiện T không có mặt tại địa phương) và 01 xe mô tô Cup (không có biển số và giấy tờ xe), Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục tạm giữ xác minh xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông B yêu cầu bồi thường số tiền 24.000.000 đồng; bị hại chị H yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Riêng số tiền 8.000.000 đồng của anh D; 01 laptop, 01 máy chụp hình, số tiền 1.000.000 đồng và số nhẫn, vòng vàng, trang sức bằng vàng của vợ chồng anh T, anh D và vợ chồng anh T không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Chiến Lê Th phải nộp số tiền 2.600.000 đồng thu lợi bất chính để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại anh Phạm Tiến L, chị Phạm Thị Thiên H, anh Đào Phạm Trọng D, anh Tôn Thất T và chị Lê Thị Quỳnh C, người làm chứng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia

phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, anh L, chị H, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Lời khai của các bị hại đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án; Tòa án xét xử vắng mặt anh L, chị H, anh D, anh T và chị C theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, các bị cáo Cao Minh T, Nguyễn Chiến Lê Th và Vũ Ngọc T1 khai nhận: Do muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên từ ngày 25/01/2020 đến ngày 02/02/2020, Cao Minh T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Lần 01, lúc 14 giờ ngày 25/01/2020, tại nhà của ông Phạm Thanh B ở tổ 21, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, T có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Phạm Tiến L 01 cái laptop nhãn hiệu HP Probook 450 G2 trị giá 2.650.000 đồng, trộm cắp của ông B số tiền 24.000.000 đồng, trộm cắp của chị Phạm Thị Thiên H số tiền 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là 28.650.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt số tài sản trên, T nhờ Vũ Ngọc T1 mang laptop về cất giấu tại nhà của T tại khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành. T biết rõ laptop do T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cất giấu giấu T.

Lần 02: Lúc 14 giờ ngày 28/01/2020, tại nhà của anh Đào Phạm Trọng D ở tổ 22, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Đào Phạm Trọng D 8.000.000 đồng.

Lần 03: Lúc 09 giờ ngày 02/02/2020, tại nhà của vợ chồng anh Tôn Thất T và chị Lê Thị Quỳnh C ở tổ 25, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, T có hành vi lén lút chiếm đoạt của vợ chồng anh T1 số tiền 1.000.000 đồng, 01 laptop, 01 máy chụp hình và nhiều nhẫn vàng, vòng vàng và trang sức khác (không xác định được số lượng đặc điểm).

Sau khi trộm được số tài sản trên T đã nhờ Nguyễn Chiến Lê Th đem đi bán 02 lần, trong đó lần 1 Th bán 02 laptop được số tiền 4.000.000 đồng và lần 2

Th bán 02 nhẫn và 01 dây chuyền được tổng số tiền 4.900.000 đồng. Th biết rõ số tài sản T đưa đi bán là do phạm tội mà có nhưng vẫn đem bán giúp T để hưởng lợi.

Đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi trên của bị cáo Cao Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Chiến Lê Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Vũ Ngọc T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự an tại địa phương.

Hành vi của bị cáo Th tuy không hứa hẹn trước, Th biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì được T cho tiền tiêu xài và sử dụng ma túy nên Th vẫn đồng ý giúp T tiêu thụ các tài sản này. Đối với Vũ Ngọc T1 biết rõ máy tính laptop hiệu HP màu đen do Thành trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý đến khu nghĩa địa Văn Hải lấy tài sản về nhà cất giấu. Hành vi của bị cáo Th và T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm.

Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T là phạm tội 02 lần trở lên; Tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Th phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả 03 bị cáo là đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Th đầu thú nên được xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Thành bồi thường cho ông Phạm Thanh B số tiền 24.000.000 đồng, bồi thường cho chị Phạm Thị Thiên H số tiền 2.000.000 đồng. Các bị hại anh Phạm Tiến L, anh Đào Phạm Trọng D, anh Tôn Thất T và chị Lê Thị Quỳnh C không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Chiến Lê Th phải nộp số tiền 2.600.000 đồng thu lợi bất chính để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Raider biển số 60C1-496.96 (Số máy G427-101503; Số khung E0101214, không có giấy đăng ký xe) do Thành sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với 01 xe mô tô Cup (không có biển số và giấy tờ xe); 01 xe mô tô biển số 60L9-7550 và 01 xe mô tô biển số 60N3-7838 chưa làm việc được với chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục tạm giữ xác minh xử lý sau.

[8] Trong vụ án này còn có Nguyễn Thị Lua có hành vi mua laptop của Th nhưng không biết tài sản do Th phạm tội mà có. Nguyễn Văn C có hành vi cho T mượn xe mô tô biển số 60L9-7550 nhưng C không biết T sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không khởi tố.

Quá trình điều tra chị Phạm Thị Thiên H khai còn bị mất trộm 02 cái đồng hồ nhưng không rõ nhãn hiệu và không biết mất vào thời điểm nào, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh xử lý sau.

[9] Về án phí: Các bị cáo T, Th và T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Thành phải chịu thêm 1.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Cao Minh T** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt bị cáo Cao Minh T **01 (một) năm 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 16/4/2020.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Chiến Lê Th** phạm tội **“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”**.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chiến Lê Th **08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 10/5/2020.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Vũ Ngọc T1** phạm tội ***“Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”***.

Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T1 **07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 19/5/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Cao Minh T bồi thường cho ông Phạm Thanh B số tiền 24.000.000 đồng và bồi thường cho chị Phạm Thị Thiên H số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Chiến Lê Th phải nộp số tiền 2.600.000 đồng thu lợi bất chính để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Raider biển số 60C1-496.96 (Số máy G427-101503; Số khung E0101214, không có giấy đăng ký xe) do T sử dụng vào việc phạm tội. (Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Thành theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/8/2020).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Cao Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc các bị cáo Nguyễn Chiến Lê Th và Vũ Ngọc T1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Cao Minh T, Nguyễn Chiến Lê Th, Vũ Ngọc T1 và bị hại ông

Phạm Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại anh Phạm Tiến L, chị Phạm Thị Thiên H, anh Đào Phạm Trọng D, anh Tôn Thất T và chị Lê Thị Quỳnh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Nguyễn Văn Ba

La Thị Hồng Gấm